

TỪ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG ĐẾN GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀO CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP INDONESIA VÀ VIỆT NAM

ĐẶNG VĂN CHƯƠNG*

Tóm tắt: Giáo dục ở khu vực Đông Nam Á nói chung và ở Indonesia, Việt Nam nói riêng đã có quá trình phát triển và biến đổi từ giáo dục truyền thống sang giáo dục hiện đại. Quá trình thiết lập nền giáo dục hiện đại từ các nước phương Tây như “luồng gió mới” thổi vào Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ XIX. Từ đó, nền giáo dục truyền thống mang đậm yếu tố “tôn giáo” ở Indonesia và Việt Nam, từng bước “hiện đại hoá” theo mô hình phương Tây. Điểm chung trong chính sách giáo dục của Hà Lan tại thuộc địa Indonesia, Pháp tại thuộc địa Việt Nam đều thực hiện nhiều lần cải cách giáo dục để chuyển đổi từng bước giáo dục truyền thống sang nền giáo dục hiện đại, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các lĩnh vực khác nhau trong xã hội thuộc địa. Đó cũng là cơ sở vững chắc cho nền giáo dục hiện nay ở hai nước Indonesia và Việt Nam. Bài viết tập trung nghiên cứu quá trình chuyển đổi đó ở Indonesia và Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Từ khoá: Giáo dục truyền thống, giáo dục hiện đại, Đông Nam Á, Indonesia, Việt Nam.

1. Indonesia từ giáo dục truyền thống đến giáo dục hiện đại

1.1. Giáo dục truyền thống của Indonesia

Giáo dục truyền thống ở Indonesia mang tính chất tôn giáo, trải qua hai thời kì: giáo dục Karsyan (Hindu - Phật giáo,

thế kỉ V - XIV) và giáo dục Pesantren (Islam giáo thế kỉ XIII trở đi).

Thời kì giáo dục Karsyan: Cùng với tín ngưỡng bản địa, Hindu giáo và Phật giáo đã du nhập vào quần đảo Indonesia từ rất sớm. Hindu giáo và Phật giáo không chỉ ảnh hưởng trên lĩnh vực chính trị mà còn được thể hiện sinh động trong đời sống

* PGS.TS. Đặng Văn Chương, Khoa Lịch Sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

văn hoá, xã hội và giáo dục. Nền giáo dục Hindu - Phật giáo đã góp phần ổn định xã hội theo đẳng cấp và phát triển đời sống tinh thần, hướng đến những giá trị nhân văn, đạo đức xã hội và đời sống an lạc.

Hệ thống giáo dục này được tập trung chủ yếu trong các đền thờ đạo Hindu và nhà chùa Phật giáo. Những nơi này trong nhiều thế kỉ không chỉ là nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh mà còn là trường học, giáo dục con em người Indonesia và tín đồ theo Hindu giáo và Phật giáo tại đây.

Về nội dung giáo dục Karsyan: Giáo dục truyền thống Karsyan ở Indonesia tập trung nghiên cứu giáo lí, giáo luật Hindu giáo, Phật giáo và những giá trị đạo đức mang tính xã hội. Các môn học thường được giảng dạy: kinh Veda, Tam Tạng kinh điển, thiên văn học, tập viết, tập làm toán, võ nghệ, nghệ thuật xây dựng, nghi lễ hoàng gia, văn học (nội dung chủ yếu trong hai tác phẩm Mahabharata và Ramayana), dạy đọc và viết chữ Indonesia, chữ Pali.

Về phương pháp học tập - đánh giá: Cantrik (học sinh) thường học một văn bản nhiều lần, dưới sự hướng dẫn của nhà sư cho đến khi nắm vững kiến thức và không có hình thức kiểm tra, đánh giá áp dụng chung cho các cơ sở giáo dục trong toàn quốc.

Về cách thức quản lí: Giáo dục Hindu - Phật giáo luôn nhận được sự bảo trợ của hoàng gia Indonesia. Hiệu trưởng là các tu sĩ (Hindu giáo), nhà sư (Phật giáo), họ có quyền kiểm soát về cơ sở tôn giáo lẫn công tác giáo dục.

Về giáo dục nghề nghiệp: Giáo dục nghề nghiệp không được đưa vào nội dung giảng

dạy chính thức ở các trường học, người học sẽ tự tìm hiểu thông qua việc học nghề tại các cơ sở dạy nghề khác nhau.

Về giáo dục cho nữ giới: Người Indonesia đề cao một người phụ nữ chu toàn việc nội trợ gia đình hơn là một người phụ nữ biết đọc, biết viết. Do vậy, ở Indonesia, tỉ lệ về trình độ văn hoá của phụ nữ là rất thấp nên phần đông nữ giới Indonesia không biết chữ.

Như vậy, hệ thống giáo dục Karsyan đã đóng góp to lớn cho văn hóa vật chất và tinh thần đặc sắc của Indonesisa từ thế kỉ V cho đến thế kỉ XIV, hệ thống này dần mất đi khi Islam giáo du nhập và phổ biến vào đất nước này.

Thời kì giáo dục Islam giáo

Islam giáo đến các quốc gia Đông Nam Á nói chung, Indonesia nói riêng bằng con đường hòa bình, thương mại thông qua các thương nhân Ả Rập, Ấn Độ, Trung Quốc... Sau khi Islam giáo được thiết lập và có ảnh hưởng mạnh mẽ tại Indonesia vào khoảng thế kỉ XIII, các Sultan muốn đưa tôn giáo này phát triển hơn nữa nên đã từng bước xây dựng hệ thống giáo dục Islam giáo đối với dân chúng. Hệ thống giáo dục này được gọi là Pesantren ở Indonesia và Pondok đối với Malaysia.

Hệ thống giáo dục Islam giáo chỉ tập trung giảng dạy các giáo lí trong kinh Coran, nên buộc người học phải biết tiếng Ả Rập. "Hệ thống giáo dục này chỉ dạy các bộ môn về tôn giáo; dạy đọc kinh Coran, giảng kinh, luật Islam giáo shariat cùng các tập tục, truyền thống Islam giáo khác"⁽¹⁾. Các môn học thế tục không được đưa vào trong Pesantren. Do vậy, môn học tiếng Ả Rập được xem là cần thiết, nhưng tiếng Ả

Rập khó học nên kết quả là có rất ít người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ này.

Các lớp học Islam giáo được tổ chức trong các thánh đường hoặc các nhà nguyện do các chức sắc tôn giáo, những người am hiểu kinh Coran phụ trách. Về độ tuổi đi học, thời gian học cũng không được quy định một cách cụ thể. “Ở những trường này không có chương trình giảng dạy cố định và học sinh (santri) không dựa vào điểm để xếp vào các lớp cụ thể. Hơn nữa phương pháp giảng dạy được sử dụng buổi đầu khá đơn giản⁽²⁾ và kết thúc chương trình học và tốt nghiệp cũng không cấp một loại bằng hoặc chứng chỉ nào. Do đó, tỷ lệ người biết chữ cũng không nhiều, “ở một số khu vực như Tây Irian, một phần của Borneo và Sumatra, hầu như nhiều người không biết đọc biết viết, trong khi ở một số khu vực khác thì số lượng đáng kể người có thể đọc và viết⁽³⁾.”

Có thể nói, giáo dục Pesantren một mặt, đã góp phần phát triển Islam giáo trên khắp quần đảo và giúp tín đồ thực hiện nghiêm túc 5 nghĩa vụ đối với Islam giáo, mặt khác đã làm phong phú thêm văn hoá của Indonesia. Tuy nhiên, mô hình giáo dục này vẫn còn nhiều hạn chế như còn mang đậm giáo dục tôn giáo, chưa đưa các môn học thế tục vào chương trình giáo dục, không cho phép phụ nữ đến trường. Đây chính là cơ sở để Hà Lan từng bước thiết lập nền giáo dục phương Tây thay thế nền giáo dục tôn giáo tồn tại nhiều thế kỉ ở Indonesia.

1.2. Giáo dục hiện đại ở Indonesia (1848 - 1942)

Sự thiết lập và phát triển giáo dục hiện đại ở Indonesia có thể chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1848 - 1893

Từ đầu thế kỷ XIX, chính quyền Hà Lan trực tiếp cai trị thuộc địa Indonesia. Do nhu cầu về nguồn nhân lực, nhất là phục vụ trong bộ máy cai trị. Chính quyền thuộc địa đã thiết lập hệ thống các trường phổ thông và trường đào tạo nghề. Đầu tiên là xây dựng trường đào tạo quan chức với kinh phí 25.000 *guilder*⁽⁴⁾, và yêu cầu người Indonesia phải biết tiếng Hà Lan mới trở thành công chức. Ba năm sau, năm 1851, chính quyền thuộc địa thành lập 5 trường đào tạo giáo viên và 1 trường y được mang tên *Doker Djawa* tại Batavia.

Đối với giáo dục phổ thông, đến năm 1864, tất cả học sinh ở Indonesia đều được học tiếng Hà Lan, không còn phân biệt dân tộc, tôn giáo, đẳng cấp như trước, thể hiện sự bình đẳng trong nền giáo dục mới. Đến năm 1867, Bộ Giáo dục ở thuộc địa Indonesia được thành lập. Điều này không chỉ thể hiện sự hoàn thiện về cơ quan quản lý giáo dục mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà hoạt động “nhân đạo và truyền giáo”⁽⁵⁾.

Nghị định giáo dục năm 1871 cho phép xây dựng các trường tiểu học công lập ở Java, Madura và một số đảo khác của Indonesia. Từ năm 1873 đến năm 1883, số lượng trường học cũng như học sinh và giáo viên tăng lên nhanh chóng⁽⁶⁾. (Xem Bảng 1)

Mặc dù chính quyền Hà Lan đã xây dựng nhiều trường tiểu học công lập (3 năm), số lượng giáo viên và học sinh tăng lên rõ rệt, nhưng số học sinh tốt nghiệp tiểu học chỉ đạt 3,4%. “Trong giai đoạn 1878 - 1882, trung bình có 69,7% học sinh nghỉ học trong năm đầu tiên, 19,4% trong năm thứ hai và 7,5% trong năm thứ ba,

Bảng 1: Số lượng trường học, học sinh, giáo viên ở một số khu vực của Indonesia giai đoạn 1873 - 1883

Năm	Khu vực	Trường học	Học sinh	Giáo viên
1873	Java và Madura	82	5.512	223
1883		193	16.214	582
1873	Các đảo khác	117	11276	188
1883		284	18.694	659

Nguồn: August Suwignyo (2012), *The Breach in the Dike: Regime change and the standardization of public primary school teacher training in Indonesia (1893 - 1969)*, University Leiden, tr. 52.

chỉ còn lại 3,4% học sinh năm nhất nhận được chứng nhận của nhà trường”⁷. Nguyên nhân có thể là do chương trình học quá mới và học bằng ngôn ngữ Hà Lan nên số lượng tốt nghiệp còn khiêm tốn. Ngoài ra, còn một nguyên nhân khác đó là sự phản đối của tầng lớp quý tộc, bởi vì “họ cảm thấy những đẳng quyền cổ xưa của họ đã bị vi phạm khi con cái của họ bị trộn lẫn với những thường dân trong cùng một lớp học”⁽⁸⁾, họ đã hạn chế đưa con cái mình đến trường này. Do đó, năm 1893, chính phủ thuộc địa phải tiến hành cuộc cải cách giáo dục để điều chỉnh chính sách giáo dục phù hợp với thực tiễn đẳng cấp xã hội Indonesia.

Giai đoạn 1893 - 1900

Năm 1893, chính phủ thuộc địa thiết lập hai loại trường tiểu học: *Trường hạng Nhất* chuyên dành cho tầng lớp quý tộc, quan lại (Priyayi); và *Trường hạng Hai* để dạy cho con em các tầng lớp khác nhau, chủ yếu là cho dân nghèo nông thôn và thành thị”⁽⁹⁾. Đây được xem là một cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất tại thuộc địa Indonesia, đặt nền tảng cho việc mở rộng hai loại trường giáo dục tiểu học vào đầu

thế kỉ XX. Hai loại trường này được gọi là “hệ thống giáo dục kép”. Chương trình học của Trường hạng Nhất kéo dài 5 năm với các môn như toán học, địa lý Indonesia, lịch sử Indonesia, mỹ thuật và môn trắc địa. Chương trình học của trường hạng Hai chỉ có 3 năm gồm các môn: tập đọc và viết chữ bằng ngôn ngữ bản địa, trắc địa và được học thêm một trong những môn còn lại thuộc chương trình đào tạo của trường hạng Nhất. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng địa phương, riêng đối với các vùng mà tiếng địa phương chưa đủ tiêu chuẩn để cấu thành ngôn ngữ phổ biến thì trường phải sử dụng tiếng Malay.

Như vậy, người Hà Lan đã góp phần thay đổi nền giáo dục truyền thống Islam giáo của Indonesia sang nền giáo dục phổ thông theo kiểu phương Tây, nhưng hiệu quả còn hạn chế. Vì thế, năm 1901, Chính phủ Hà Lan ban hành “Đường lối mới”, trong đó giáo dục và y tế được chú trọng, ưu tiên hơn.

Giai đoạn 1901 - 1942

Năm 1901, chính quyền thuộc địa ban hành “Đường lối mới”⁽¹⁰⁾ với quan điểm

“Chính quyền của Indonesia vì Indonesia”, theo đó người dân Indonesia dần được trao quyền tự trị và bình đẳng hơn. Từ đó, nhiều ngân hàng được thành lập, hệ thống giáo dục, mạng lưới y tế được củng cố và mở rộng theo kiểu phương Tây, trình độ dân trí được nâng cao. Chính việc thực hiện “Đường lối mới” đã “giảm thiểu mâu thuẫn giữa nhân dân Indonesia và chủ nghĩa đế quốc Hà Lan”⁽¹¹⁾. Trọng tâm của Chính sách “Đường lối mới” hướng đến là giáo dục và y tế.

Một nét mới trong sự phát triển giáo dục ở Indonesia là vào năm 1907, Thống đốc Van Huetz khởi xướng thành lập trường Làng (Volkschool) tại vùng nông thôn thuộc các đảo Indonesia. Thời gian học tại trường Làng được quy định là 3 năm, tiếng địa phương là ngôn ngữ giảng dạy chính. Mục đích của trường Làng nhằm khắc phục nạn mù chữ cho trẻ em ở nông thôn, học các môn học tại trường như tập đọc, tập viết và toán cơ bản. Với việc mở thêm trường Làng, số lượng người biết chữ tăng lên một cách đáng kể, từ 71.339 người năm 1910 lên đến 296.882 cả nam và nữ năm 1918⁽¹²⁾. Hệ thống trường Làng vẫn tồn tại cho đến khi Nhật Bản chiếm đóng Indonesia. Đây là một thành tựu phổ cập giáo dục trên quần đảo này.

Đối với cấp tiểu học và trung học, chính quyền Hà Lan đã có nhiều quan tâm hơn. Các trường tiểu học theo định hướng Hà Lan được xây dựng bao gồm các trường sau: Trường tiểu học châu Âu (Europesche Lagere School - ELS), trường Hà Lan - Trung Quốc (Hollandsch Chineesche School - HCS) và trường Hà Lan - Indonesia (Hollandsch Inlandsche School - HIS được chuyển đổi từ trường hạng Nhất

vào năm 1914). Còn các trường trung học bao gồm: trường trung học HBS (Hogere Burger School), trường MULO (Meer Uitgebreid Lager Onderwijs), trường AMS (Algemeen Middelbare School).

Bậc cao đẳng, đại học: Từ năm 1901, “nhà nước thuộc địa bắt đầu thiết lập, củng cố và mở rộng hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học công lập, nhất là các ngành như nông nghiệp và luật pháp”⁽¹³⁾. Đúng như lời nhận xét của Christiaan Lambert Maria Penders: “Thành tựu quan trọng nhất của chính sách “đạo đức” là việc tạo ra một hệ thống giáo dục toàn quốc cho người Indonesia từ cấp tiểu học trường làng (desa) đến đại học”⁽¹⁴⁾. Năm 1903, trường Trung cấp nông nghiệp đầu tiên được thành lập ở Indonesia. Đến năm 1907, trường Thú y và năm 1908 trường Luật lần lượt được xây dựng. Những năm 20 của thế kỉ XX, chính quyền Hà Lan tiếp tục xây dựng thêm một số trường khác như trường Cao đẳng Kỹ thuật (Technische Hogeschool, 1920), trường Cao đẳng Luật (1924) và Cao đẳng Y (1927)⁽¹⁵⁾,...

Đối với giáo dục hướng nghiệp: Chương trình dạy nghề bao gồm các loại hình đào tạo cơ bản về nông nghiệp thực hành, dạy nghề như mộc, nghề rèn, nữ công gia chánh và đào tạo giáo viên trường làng. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng địa phương hoặc tiếng Malay. Thậm chí còn hình thành những trường đại học, cao đẳng chuyên biệt để dạy sâu từng nghề như đào tạo giáo viên, nông nghiệp, y khoa,..., tuy nhiên những trường này thì ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Hà Lan. Chính sách này đã góp phần làm đa dạng hoá ngành nghề, nâng cao khả năng chủ động cho người học, tạo cơ hội để có thể tiếp thu

được nhiều kiến thức khoa học, hiện đại, đáp ứng nhu cầu mới của xã hội thời thuộc Hà Lan cũng như cho quá trình tái thiết đất nước sau khi giành độc lập.

Như vậy, kể từ khi chính sách giáo dục từ giữa thế kỉ XIX đến trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống giáo dục ở thuộc địa Indonesia đã tương đối hoàn chỉnh với ba cấp học từ bậc tiểu học, trung học đến đại học. Cùng với đó là hệ thống trường dạy nghề từ thấp đến cao và giáo dục nữ giới phát triển. Bên cạnh đó, giáo dục truyền thống Islam giáo vẫn tồn tại trong các thánh đường nhưng đã có điều chỉnh, bổ sung kiến thức khoa học để phù hợp với thực tiễn của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội Indonesia.

2. Việt Nam từ giáo dục truyền thống đến giáo dục hiện đại

2.1. Giáo dục truyền thống của Việt Nam

Trước khi người Pháp đến, Việt Nam đã có hệ thống giáo dục Nho giáo chính thống lâu đời, được tổ chức từ trung ương đến địa phương. Nền giáo dục này đã đào tạo nhân lực chủ yếu phục vụ cho bộ máy của hoàng gia và phát triển văn hóa nước nhà trong tinh thần Nho giáo⁽¹⁶⁾. Tài liệu học tập là Tứ thư, Ngũ kinh. Hệ thống thi cử gồm 3 cấp là thi Hương, thi Hội và thi Đình. Bên cạnh đó còn có giáo dục của Phật giáo và giáo dục gia đình.

2.2. Giáo dục hiện đại ở Việt Nam thời thuộc Pháp (1864 - 1945)

Quá trình hình thành và phát triển nền giáo dục Pháp ở Việt Nam thời kì từ năm 1864 đến năm 1945 có thể chia làm ba giai đoạn.

Giai đoạn từ năm 1864 - 1906

Có thể coi giai đoạn này là giai đoạn “thử nghiệm” về giáo dục của Pháp ở miền Nam Việt Nam - thuộc địa đầu tiên của Pháp.

Cuối thế kỉ XIX, nhu cầu về phiên dịch rất lớn vì quan chức cai trị hành chính, quân sự hầu hết là người Pháp, trong khi dân chúng không biết tiếng Pháp. Để giải quyết sự khác biệt ngôn ngữ, năm 1864, Pháp đã xây dựng hệ thống trường thông ngôn, nơi mà người Pháp đào tạo ra một đội ngũ người bản xứ làm việc trong chính quyền thuộc địa.

Chính quyền Pháp chủ trương sử dụng chữ Quốc ngữ trong công việc hành chính và giảng dạy trong trường học.

Tại Nam Kỳ, năm 1879, Thống đốc Nam Kỳ thành lập Sở Học chính Nam Kỳ, chia hệ thống giáo dục làm ba cấp:

Cấp một: trường hàng tổng, học 3 năm, gồm các môn: tiếng Pháp, bốn phép tính, cách đo lường. Chữ Hán và chữ Quốc ngữ chỉ học đến một mức độ nhất định, đủ để biết đọc, biết viết.

Cấp hai: trường hàng quận, huyện, thời gian học là ba năm. Các môn học gồm có tiếng Pháp, Toán, Lịch sử Việt Nam, Địa lí Việt Nam, chữ Hán và chữ quốc ngữ. Tiếng Pháp ở cấp hai được học kĩ hơn, môn Toán được trang bị cả kiến thức Đại số và Hình học... Học sinh tốt nghiệp cấp học này được nhận bằng Sơ học (Brevet Élémentaire) và được học lên cấp cao hơn.

Cấp ba: trường hàng tỉnh, học sinh học 4 năm, học thêm những môn mới như Thiên văn, Địa chất, Sinh vật. Các môn còn lại cũng như cấp hai, nhưng được mở rộng và nâng cao hơn. Các môn học đều

học bằng tiếng Pháp. Tốt nghiệp trung học, học sinh được cấp bằng Cao đẳng tiểu học (Brevet Supérieur)⁽¹⁷⁾.

Mặc dù, chính quyền Pháp đã có những quan tâm đến việc phát triển giáo dục ở Nam Kỳ nhưng kết quả rất hạn chế. Sau 25 năm, chính quyền Pháp vẫn chưa thể thay thế chữ Hán bằng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. “Họ đã thất bại một bước trong công cuộc truyền bá nền “văn minh châu Âu” mà tưởng rằng rất dễ dàng và đơn giản”⁽¹⁸⁾. Lý do này giải thích vì sao người Pháp tỏ ra thận trọng khi tổ chức nền giáo dục ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, đặc biệt trong hai cuộc cải cách giáo dục ở giai đoạn sau.

Giai đoạn 1906 - 1916

Năm 1906, Toàn quyền Paul Beau thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất. Mục tiêu cải cách là xây dựng một nền giáo dục có sự hài hòa trộn giữa giáo dục Pháp với giáo dục bản xứ. Cũng năm 1906, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định thành lập Hội đồng hoàn thiện nền giáo dục bản xứ (Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement indigene) nhằm bàn bạc về việc tiến hành cải cách các trường bản xứ vào hệ thống giáo dục công lập dưới quyền của Nha học chính (như là Bộ giáo dục).

Giáo dục phổ thông gồm 2 bậc là tiểu học và trung học.

- Bậc tiểu học Pháp - Việt: chương trình đào tạo có bốn lớp: Lớp nhất, lớp nhì, lớp ba và lớp bốn.

- Bậc trung học: Chính phủ thuộc địa Pháp quy định chương trình giáo dục 5 năm, với hai chương trình: Trung học đệ nhất cấp học trong 4 năm và Trung học đệ nhị cấp học 1 năm.

Về giáo dục nữ giới và đào tạo nữ giáo viên: Giáo dục công lập dành cho nữ giới, sự bình đẳng giữa nữ sinh và nam sinh là một cuộc cách mạng mới được thực hiện ở nước Pháp vào nửa cuối thế kỉ XIX⁽¹⁸⁾. Khuyh hướng tiến bộ này ở các nước Tây Âu ảnh hưởng đến chính sách giáo dục nữ giới ở các thuộc địa Đông Nam Á nói chung và Indonesia và Việt Nam nói riêng. Người phụ nữ trong xã hội truyền thống Việt Nam không được đề cao và không được đến trường trong giáo dục Nho giáo. Từ đó, toàn quyền Paul Beau đã chú trọng xây dựng nhiều trường học dành cho nữ sinh. Năm 1906, một số trường làng xã mở lớp cho nữ sinh. Học sinh nữ thường đến học tại trường Pháp - Việt và trường Pháp. Trường nữ học Pháp - Việt đầu tiên được xây dựng ở Bắc Kỳ là trường tiểu học nữ sinh ở tỉnh Nam Định. Trong thời gian này, người Pháp đã xây dựng được một số trường nữ sinh khác như: trường Tiểu học Pháp - Việt công lập ở Hà Nội, ở Hà Đông (1910), trường Cao đẳng Tiểu học Pháp - Việt còn gọi là trường Đồng Khánh (1917). Không có trường trung học dành riêng cho nữ. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học, muốn học tiếp, các nữ sinh sẽ thi vào trường Trung học Bảo hộ và học chung với nam sinh.

Cùng với việc củng cố và mở rộng hệ thống giáo dục phổ thông, ngày 16/5/1906, Toàn quyền Paul Beau đã thành lập trường Đại học Đông Dương “*để phổ biến kiến thức khoa học và phương pháp của người Âu tại Viễn Đông*”⁽¹⁹⁾. Đại học Đông Dương gồm có 5 ngành là Luật và Pháp chánh, Khoa học thực hành, Y khoa Đông Dương, Xây dựng dân dụng và Văn Khoa.

Như vậy, trong cuộc cải cách giáo dục

lần thứ nhất, Toàn quyền Paul Beau vẫn để hệ thống giáo dục Pháp - Việt tồn tại song song với giáo dục Nho giáo ở Việt Nam. Nếu như trước kia, chữ Quốc ngữ chỉ được quy định mang tính chấp vá, từng phần, thì cuộc cải cách giáo dục của Paul Beau vào năm 1906 mang tính toàn diện hơn, hai chữ viết này được ưu tiên học trong nhiều giờ hơn so với chữ Hán. Chính quyền thuộc địa đã xây dựng chương trình giáo dục, đổi mới nội dung sách giáo khoa gắn liền với chữ Quốc ngữ. Tuy nhiên, việc chính quyền thuộc địa Pháp áp đặt chữ Quốc ngữ và chữ Pháp chưa được người dân Việt Nam ủng hộ vì những ngôn ngữ này chưa quen và gặp nhiều khó khăn khi đọc và làm văn. Do đó, việc đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa thể đáp ứng nhu cầu viên chức cho lĩnh vực hành chính và công nhân cho lĩnh vực khoa học - kỹ thuật. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến chính quyền Pháp tiến hành cải cách giáo dục lần thứ 2 với quy mô lớn và toàn diện hơn.

Giai đoạn 1917 - 1945

Đầu năm 1917, chính quyền thuộc địa Pháp từng bước thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương, nên nhu cầu về nguồn nhân lực lớn hơn. Từ đó, giáo dục càng được chính quyền thuộc địa quan tâm, vì nó không chỉ đào tạo ra nguồn nhân lực đa ngành nghề, thúc đẩy hiệu quả kinh tế mà còn tạo ra tầng lớp trí thức- thượng lưu bản xứ, chỗ dựa cho chính quyền thuộc địa⁽²⁰⁾. Chương trình này thể hiện rõ nét trong chính sách giáo dục mà Albert Sarraut triển khai ở Đông Dương, đặc biệt chú trọng mô hình giáo dục Pháp - Việt và hạn chế giáo dục Nho giáo. Xuất phát từ lý thuyết và thực tiễn giáo dục

ở Việt Nam lúc bấy giờ⁽²¹⁾, Toàn quyền Albert Sarraut đã tiến hành cải cách giáo dục lần thứ hai, với việc xây dựng một hệ thống giáo dục quy chuẩn thông qua Bộ Học chính Tổng quy (Règlement général de l'Instruction publique).

Nội dung học chính quy định về hệ thống giáo dục, cơ cấu tổ chức các loại trường, chương trình đào tạo, quy định về lương và giáo viên, cách thức đánh giá, thi cử, thanh tra nhà trường, ngân sách.

Hệ thống tổ chức giáo dục được phân chia thành hệ thống giáo dục phổ thông và dạy nghề. Ở cả hai hệ thống giáo dục này, các trường được chia làm hai loại: trường chuyên dạy học sinh người Pháp và trường Pháp - Việt chuyên dạy học sinh người Việt theo chương trình bản xứ. Toàn bộ nền giáo dục từ năm 1917 - 1945 được chia thành 3 cấp: Tiểu học, Trung học và Cao đẳng.

Trong hệ thống giáo dục bậc tiểu học, các trường được chia thành hai loại: trường tiểu học bị thể và trường sơ đẳng tiểu học. Đối với trường *tiểu học bị thể* là trường được đầu tư xây dựng ở các tỉnh và huyện lớn, giảng dạy đào tạo qua 5 lớp: lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Tại mỗi tỉnh lỵ và huyện lỵ có một trường bị thể để dạy học trò đi thi lấy bằng tốt nghiệp tiểu học. Còn trường *sơ đẳng tiểu học* là trường được đầu tư xây dựng tại các làng, chỉ đào tạo 3 lớp: lớp 1, lớp 2, và lớp 3. Đối tượng theo học phần nhiều là con em tầng lớp nghèo khổ, khó khăn trong xã hội, với quan niệm học để biết viết và biết đọc chữ. Trong chương trình giáo dục tiểu học có các môn học sau: Tiếng Pháp, Toán, Tập đọc, Luân lí, Thủ công, Vệ sinh,...

Hệ trung học được chia thành hai bậc: Cao đẳng Tiểu học và Trung học. *Cao đẳng Tiểu học* có chương trình đào tạo 4 năm. Đây là trường dành cho học sinh có bằng tốt nghiệp tiểu học với chương trình giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp. Trong suốt 4 năm học, học sinh được học 13 môn học sau: Pháp văn, Luân lí, Lịch sử, Việt văn, Hán văn, Địa lí, Toán học, Vật lí, Hoá học, Tập viết chữ đẹp, Vẽ, Tìm hiểu công nghiệp và Thể dục. Sau khi hoàn thành chương trình học, học sinh sẽ tham dự kì thi tốt nghiệp để nhận bằng Cao đẳng Tiểu học (hay còn gọi bằng thành trung). *Bậc Trung học* được xây dựng dựa trên chương trình Trung học của Pháp, số năm đào tạo là 3 năm, ứng với 3 lớp: Đệ nhất niên, đệ nhị niên và đệ tam niên. Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Pháp. Trong chương trình học, học sinh được quyền lựa chọn một trong các ban để học: Ban triết học, Ban Toán và Ban Khoa học. Học sinh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ được tham dự kì thi lấy bằng Tú tài toàn phần.

Hệ cao đẳng, đại học là bậc học cao nhất của nước Pháp được áp dụng rộng rãi trên toàn Đông Dương, nhưng cách tổ chức của nền giáo dục này có sự cải biến cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, tình hình xã hội và sự tiếp nhận của nhân dân ba nước Đông Dương. Do vậy, chương trình đào tạo Đại học Pháp được áp dụng tại Đông Dương, được chia thành hai hệ thống: Trường Cao đẳng và trường Đại học.

Trường Cao đẳng là trường chuyên đào tạo ra các nguồn lực để phục vụ bộ máy hành chính trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai tại Việt Nam và Đông Dương. Điều kiện để sinh viên vào

học là phải có bằng Tú tài toàn phần và tham gia một kì thi tuyển sinh bắt buộc. Khi trúng tuyển vào một trong các trường cao đẳng, sinh viên được chính quyền thuộc địa tạo điều kiện học tập thông qua cấp học bổng. Sau khi ra trường, sinh viên phải làm việc cho chính quyền thuộc địa trong một khoảng thời gian nhất định. Trong thời gian cầm quyền, Albert Sarraut đã đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống các trường Cao đẳng Pháp - Việt, tiêu biểu như: Từ năm 1918 đến năm 1919 tại Hà Nội có 7 trường Cao đẳng: Trường Cao đẳng Y dược; trường Cao đẳng Luật; trường Cao đẳng Sư phạm, trường Cao đẳng Thú y; trường Cao đẳng Công chánh; trường Cao đẳng Canh nông; trường Cao đẳng Thương mại. Trường Cao đẳng Đông Dương hợp lại thành Viện Đại học Đông Dương. Trường Sĩ hoạn (Ecole des Mandarins) và trường Hậu bổ Hà Nội (Ecole d'Administration de Ha Noi) là những trường chuyên đào tạo quan lại, theo quy chế của Bộ Học chính Tổng quy, những trường này sẽ ngừng hoạt động và tổ chức lại trực thuộc Giám đốc Đại học Đông Dương quản lí.

Về các khoa thi: Theo Học chính Tổng quy, các khoa thi sẽ chia làm hai loại: loại thi theo chương trình bản xứ và loại thi theo chương trình Pháp. Loại thi theo chương trình bản xứ: Thi tốt nghiệp tiểu học và thi tốt nghiệp trung học (gồm Cao đẳng Tiểu học và Trung học). Loại thi theo chương trình Pháp: Bằng sơ học, Bằng cao đẳng và Bằng Tú tài Tây.

Với cải cách giáo dục lần thứ hai, chính quyền thuộc địa Pháp đã củng cố, mở rộng hệ thống giáo dục hiện đại theo mô hình phương Tây và xoá bỏ nền giáo dục Nho

giáo phong kiến⁽²²⁾. Hệ thống giáo dục tiểu học với hai loại trường từng bước được hoàn thiện nhằm phổ cập giáo dục ở nông thôn, phát triển giáo dục trong cộng đồng các dân tộc ít người; tăng cường chương trình, thời gian cho bậc trung học và công nhận giá trị bằng cấp của nó; hệ thống trường cao đẳng và đại học có những chuyển biến tích cực. Có thể nói, hệ thống giáo dục Pháp - Việt khá đồng bộ làm chất lượng giáo dục được nâng cao rõ rệt, trở thành cơ sở vững chắc cho những bước phát triển tiếp theo của hệ thống giáo dục ở Việt Nam.

4. Kết luận

Nền giáo dục truyền thống của Indonesia cũng như Việt Nam đã mang lại nhiều thành tựu to lớn về văn hóa vật chất và tinh thần ở hai quốc gia này. Giá trị của nền giáo dục này vẫn được lưu giữ và tồn tại dưới những hình thức khác nhau trong nền giáo dục hiện nay.

Quá trình chuyển đổi từ nền giáo dục truyền thống sang nền giáo dục hiện đại theo mô hình phương Tây ở Indonesia và Việt Nam tuy bị áp đặt nhưng nó cũng phản ánh xu hướng chuyển biến từ giáo dục truyền thống sang giáo dục hiện đại ở nhiều nước trên thế giới vào nửa sau thế kỉ XIX, ngay cả ở chính Hà Lan và Pháp.

Hà Lan thiết lập nền giáo dục hiện đại ở Indonesia cũng như Pháp ở Việt Nam đều trải qua nhiều giai đoạn với nhiều quan niệm khác nhau của giới cầm quyền nhưng khuynh hướng tích hợp giáo dục Hà Lan - Indonesia và nền giáo dục Pháp - Việt là phù hợp nhất.

Sau khi giành độc lập, Indonesia cũng

như Việt Nam đều dựa trên nền giáo dục thời thuộc địa để xây dựng nền giáo dục độc lập, hiện đại của riêng mình./.

CHÚ THÍCH

1. Phạm Thị Vinh (1992), Giáo dục Hồi giáo và sự phát triển ở Đông Nam Á, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, tr. 55.
2. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *Colonial education policy and practice in Indonesia: 1900 - 1942*, (Ph.D Thesis), Australian National University, tr. 3.
3. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *tlđđ*, tr. 2 - 3.
4. Willy Rothrock (1975), *The development of Dutch - Indonesia primary schooling: A study in Colonial education*, The University of Alberta, tr. 16. Điều này cũng giống như người Pháp đầu tiên thành lập trường hành chính ở Việt Nam để đào tạo quan chức phục vụ cho bộ máy cầm quyền.
5. Said Hutagaol (1985), *The development of higher education in Indonesia: 1920 - 1979*, University of Pittsburgh, tr. 16.
6. August Suwignyo (2012), *The Breach in the Dike: Regime change and the standardization of public primary school teacher training in Indonesia (1893 - 1969)*, University Leiden, tr. 52.
7. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *tlđđ*, tr. 30.
8. Willy Rothrock (1975), *The development of Dutch - Indonesia primary schooling: A study in Colonial education*, The University of Alberta, tr. 47.
9. Trần Khánh (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á*, tập 4, Nxb Khoa học xã hội, tr. 247.
10. Chính sách Đạo đức (Ethical policy) chỉ là cách nhìn nhận của chính quyền thực dân chứ không phải của người bản xứ. Vì sự thay đổi này nhằm mục đích chuẩn hoá hệ thống giáo dục, từ đó họ mong muốn truyền

- bá ngôn ngữ, văn hoá Hà Lan ở thuộc địa Indonesia.
11. Huỳnh Văn Tông (1992), *Lịch sử Indonesia (từ thế kỷ XV - XVI đến những năm 1980)*, Viện đào tạo mở rộng, tr. 43.
 12. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *tlđđ*, tr.100
 13. Trần Khánh (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á*, tập 4. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 247.
 14. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *tlđđ*, tr. 66.
 15. Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật hiện nay là trường *Institut Teknologi Bandung*, Trường Cao đẳng Y hiện nay là trường *Universitas Indonesia*, *Còn trường Cao đẳng Luật đã đóng cửa vào năm 1942*.
 16. Giáo dục chính thống Nho giáo ở Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XX đã đào tạo được hàng trăm Tiến sĩ có chất lượng cao, phục vụ có hiệu quả cho nhà nước phong kiến và phát triển văn hóa dân tộc.
 17. Ngô Minh Oanh (2011), Sự du nhập giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ Việt Nam thời thuộc Pháp (1861 - 1945), *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, số 28, tr. 16 - 17.
 18. Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.55.
 19. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k54988777.image.r=loi+camille+s%C3%A9e.langFR.f000097.tableDesMatières> (Proposition de loi déposée par Camille Sée le 28 octobre 1878 devant la Chambre des députés sur le site de la Bibliothèque nationale de France) (Dự luật do Camille Sée đề xuất ngày 28 tháng 10 năm 1878 trước Văn phòng Đại biểu tại Thư Viện Quốc Gia Pháp về giáo dục trung học ở nữ giới).
 20. Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (2016), *Giáo dục Việt Nam thời thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 - 1945)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, tr.14.
 21. Trần Thị Phương Hoa (2011), *Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội, tr.96.
 22. Kế thừa chương trình Trung học của Toàn quyền Klobukowsky năm 1910.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Augus Suwignyo (2012), *The Breach in the Dike: Regime change and the standardization of public primary school teacher training in Indonesia (1893 - 1969)*, University Leiden.
2. Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Christiaan Lambert Maria Penders (1968), *Colonial education policy and practice in Indonesia: 1900 - 1942*, (Ph.D Thesis), Australian National University.
4. Trần Thị Phương Hoa (2011), *Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
5. Trần Khánh (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á*, tập 4. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ngô Minh Oanh (2011), Sự du nhập giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ Việt Nam thời thuộc Pháp (1861 - 1945), *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, số 28.
7. Said Hutagaol (1985), *The development of higher education in Indonesia: 1920 - 1979*, University of Pittsburgh.
8. Huỳnh Văn Tông (1992), *Lịch sử Indonesia (từ thế kỷ XV - XVI đến những năm 1980)*, Viện đào tạo mở rộng.
9. Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (2016), *Giáo dục Việt Nam thời thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 - 1945)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
10. Phạm Thị Vinh (1992), *Giáo dục Hồi giáo và sự phát triển ở Đông Nam Á*, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
11. Willy Rothrock (1975), *The development of Dutch - Indonesia primary schooling: A study in Colonial education*, The University of Alberta.